

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 07/05/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RC5+RC6+RP3	7:25	0+0+15	0+0+0		0+0+22	0+0+0	chuyen 1 rc5-rc6
2		PBDA+TTC2	7:25	15+4	0+0		7+15	0+0	
3		TTC1+TTC3+PPD	7:25	9+9+3	0+0+0		7+6+9	0+0+0	
4		TD2+BK15	7:25	15+6	0+0		14+8	0+0	chuyen 1 td2-bk15
5		SAVR	7:25	16	0		19	0	ec225
6		PPD+RP3	9:25	20+0	0+0		20+2	0+0	
7		CTK3+P4	9:25	9+13	0+0		5+17	0+0	
8		P8+P10	9:25	15+7	0+0		11+11	0+0	
9		PVD8+SAVR	9:25	16+0	0+0		14+8	0+0	
10		PVD8+P8	11:25	5+13	0+0		9+13	0+0	
11		TD2+TTC3+TTC1	11:25	13+2+1	0+0+0		15+5+2	0+0+0	
12		BK15+BK19+PBDA	11:25	4+8+2	0+0+0		5+0+17	0+0+0	

TPBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày BK15-2ng, BK21-2ng, TTC1-2ng, ttc3-4ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO:RC5 - RC6 - RP3	CREW: DƯƠNG - NPHÚ - TOAN	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1	VNHS FLIGHT: TM26/1965		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN TRỌNG TUẤN	RP3						85	KHI	Vietnamese
2	LÊ ĐỨC VIỆT	RP3	45-46	2	7			73	KHI	Vietnamese
3	HÀ VĂN THUY	RP3	39	1	3			66	KHI	Vietnamese
4	BUI VĂN PHU	RP3	41	1	3			68	KHI	Vietnamese
5	CHAU VĂN LINH	RP3	42-43	2	17	1	9	82	T-TIN	Vietnamese
6	ĐẶNG TIẾN TOÀN	RP3	50	1	12			71	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN CHINH THI	RP3	48	1	7			74	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN HOANG NAM	RP3						89	KHI	Vietnamese
9	LÊ HOANG ANH	RP3	38	1	3			66	KHI	Vietnamese
10	ĐƯƠNG HỒNG QUẬN	RP3	40	1	6			72	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	RP3	47	1	5			82	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN Q. BAO BÌNH	RP3						63	KHI	Vietnamese
13	TRỊNH QUANG HUY	RP3						74	KHI	Vietnamese
14	LÊ HỮU ĐẠT	RP3	37	1	3			74	KHI	Vietnamese
15	LÊ XUÂN HIỀN	RP3	49	1	5			76	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC5	0	0	0	0	0	0	0 + 1	CHUYEN 01 PAX RC5 SANG RC6	
2	RC6	0	0	0	0	0	0	0		
3	RP3	15	1.115	13	71	1	9	22		
TOTAL		15	1.115	13	71	1	9	22		
WEIGHT KG			1.115		71		9			

GRAND TOAL: 1.195 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

ĐÀO NGỌC PHÚ





FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: PBDA - TTC2	CREW: NAM - M.ĐỨC - HUY	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM26/1968	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN VĂN TUYẾN	PBDA	07	1	5			69	ĐH	Vietnamese
2	BUI KIẾN ĐỨC	PBDA	06	1	7			88	SGC	Vietnamese
3	VÔ HỒNG QUY	PBDA	14	1	17	1	15	50	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN MẠNH TRƯỜNG	PBDA	97	1	11	1	5	76	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN XUÂN	PBDA	02	1	4			73	DK9	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN DŨNG	PBDA	20-21	2	14			72	MINH MINH	Vietnamese
7	ĐỖ ĐỨC THIÊN	PBDA	18-19	2	19			65	MINH MINH	Vietnamese
8	CHABKHANOV AKHMED	PBDA	08-09	2	16			93	CJII	Russian
9	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	PBDA	03-04	2	8			70	KH-THAC	Vietnamese
10	DƯƠNG VĂN CƯỜNG	PBDA	05	1	9			75	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐỖ VĂN THAI	PBDA	98	1	13			68	DVL	Vietnamese
12	POLYAKOV ALEXANDR	PBDA	12-13	2	8			104	AMHGP	Russian
13	CHERNOUSOV SERGEY	PBDA	15	1	10			86	AMHGP	Russian
14	DVORETSKII NIKITA	PBDA	10-11	2	11			91	AMHGP	Russian
15	SMIRNOV VIKTOR	PBDA	16-17	2	13			87	AMHGP	Russian
16	HỒ TRƯỜNG KIẾN	TTC2	50	1	8			98	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI VĂN TUẤN	TTC2	80	1	3	3	50	54	KH-THAC	Vietnamese
18	LE PHƯƠNG	TTC2	79	1	7			54	KH-THAC	Vietnamese
19	LE TIẾN QUÝ	TTC2	38	1	5			76	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PBDA	15	1.167	22	165	2	20	7		
2	TTC2	4	282	4	23	3	50	15		
TOTAL		19	1.449	26	188	5	70	22		
WEIGHT KG			1.449		188		70			

GRAND TOAL: 1.707 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

TRẦN HỒNG NAM
NGUYỄN MINH ĐỨC





FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO: TTC1 - TTC3 - PPD	CREW: HUNG - N.CU'ONG - NNAM	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM26/1971	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYEN QUOC VIET	TTC1	60	1	8			61	PSV	Vietnamese
2	NGUYEN THANH HUNG	TTC1	62	1	6			58	SGC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN CUONG	TTC1	82	1	4			53	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM TUAN VIET	TTC1	61	1	2			88	DK9	Vietnamese
5	HOANG NGOC TAN	TTC1	58-59	2	19			64	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI THE UU	TTC1	84	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN VAN HUY	TTC1	83	1	11			72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN TRONG QUOC MANH	TTC1	85	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN ANH QUANG	TTC1	80-81	2	19			83	CODIEN	Vietnamese
10	NGUYEN THANH TUNG	TTC1	100	1	13	6	66	80	CODIEN	Vietnamese
11	ZAKLADNYI R.N.	TTC3	90	1	2	3	42	98	D-HANH	Russian
12	LE QUANG BINH	TTC3	95	1	4			77	D-HANH	Vietnamese
13	CHU DUC HUNG	TTC3	93-94	2	15			65	KH-THAC	Vietnamese
14	KRAMARENKO V.V.	TTC3	89	1	2			65	KH-THAC	Russian
15	YUSUPOV DMITRIY	TTC3						74	KH-THAC	Russian
16	NGUYEN TUAN ANH	TTC3	91-92	2	18			61	KH-THAC	Vietnamese
17	VO TUAN MANH	TTC3	88	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM TU ANH	TTC3	87	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN DUC KHANG	PPD	84	1	10			79	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN NGUYEN TAN TAI	PPD	83	1	7			84	KHI	Vietnamese
21	HUYNH TAN THANH	PPD	85-87	3	11			71	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TTC1	10	701	12	93	6	66	7		
2	TTC3	8	576	9	51	3	42	6		
3	PPD	3	234	5	28	0	0	9		
TOTAL		21	1.511	26	172	9	108	22		
WEIGHT KG			1.511		172		108			

GRAND TOAL: 1.791 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

VU THI THU HONG

CREW

LE QUY HUNG

PHAN NHU CUONG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:50
B.CARD: NAU-1	TO: TD2 - BK15	CREW: VTHU - ĐỨC - THÔNG	ETA: 09:40
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM26/1974	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	ĐÓ BA NAM	TD2	19-20	2	11			84	KHOAN	Vietnamese
2	LÊ NGỌC LUAN	TD2	18	1	11			65	KHOAN	Vietnamese
3	VŨ VĂN THIÊN	TD2	29	1	15			64	KHOAN	Vietnamese
4	DƯƠNG ĐỨC HIẾU	TD2	22	1	10			72	KH-THAC	Vietnamese
5	KISELEV IGOR	TD2	30	1	10	4	79	101	KH-THAC	Russian
6	NGUYỄN VĂN SAU	TD2	31	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN DUY ANH	TD2	32	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ VĂN HOAN	TD2	21	1	3			74	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ ĐÌNH HOAN	TD2	34	1	8			83	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN HIẾU	TD2	33	1	8			79	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐÌNH HOAI NAM	TD2	35-36	2	3			84	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐÓ QUANG TỎ	TD2	26-27	2	14			63	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH TUYẾN	TD2	24-25	2	9			66	YTE	Vietnamese
14	NGUYỄN QUANG HUY	TD2	28	1	10			76	KH-THAC	Vietnamese
15	HA XUÂN THANH	TD2	23	1	5			117	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ VĂN ĐỨC	BK15	99	1	3			64	SGC	Vietnamese
17	TỔ HỮU THĂNG	BK15	200	1	3			82	DK9	Vietnamese
18	PHAN QUANG HOANG	BK15	94	1	9	1	8	65	KH-THAC	Vietnamese
19	HA XUÂN ĐẠT	BK15	97	1	12			57	KH-THAC	Vietnamese
20	LUU TIEN THANH	BK15	98	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ CHI CÔNG	BK15	95-96	2	9			95	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	15	1.173	19	128	4	79	14	1	CHUYEN 01 PAX TD2-BK15
2	BK15	6	435	7	41	1	8	8		
TOTAL		21	1.608	26	169	5	87	22		
WEIGHT KG			1.608		169		87			

GRAND TOAL: 1.864 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

PHẠM VĂN THU
TRƯƠNG CÔNG ĐỨC



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 622	ETD: 07:45
B.CARD: TRANG-1A	TO:SAVR	CREW: TRƯỜNG - CHIẾN	ETA: 09:35
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM26/1976	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN NHU Y	SAVR	07	1	5	2	13	71	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN THANH HIU	SAVR	08	1	13			84	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN DINH NGU	SAVR	05	1	4			64	KH-THAC	Vietnamese
4	LUONG VAN LUONG	SAVR	12	1	7			90	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN MINH HIU	SAVR	04	1	6			57	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN ANH DUC	SAVR	11	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
7	LE CHI CUONG	SAVR	10	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG VAN CUONG	SAVR	15	1	5			78	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN BINH	SAVR	13-14	2	16			77	BAKER HU	Vietnamese
10	TRAN THANH TAM	SAVR	16	1	11			57	BAKER HU	Vietnamese
11	LE HAI	SAVR	02	1	12			83	PVD LOGG	Vietnamese
12	TRUONG QUANG BINH	SAVR	06	1	8			56	GETRACO	Vietnamese
13	NGUYEN DUY KHIEM	SAVR	09	1	13			73	D-HANH	Vietnamese
14	NGUYEN THANH BAO	SAVR	03	1	11			50	PVD LOG	Vietnamese
15	NGUYEN HUU TAN	SAVR	19-20	2	13			54	AMNGR	Vietnamese
16	LE HUY DIEP	SAVR	21-22	2	15			55	AMNGR	Vietnamese
17	NGUYEN HUY QUANG	SAVR	01	1	13			74	DMC MI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	17	1.163	20	163	2	13	19		
TOTAL		17	1.163	20	163	2	13	19		
WEIGHT KG			1.163		163		13			

GRAND TOAL: 1.339 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

DƯƠNG VĂN TRƯỜNG

ĐỖ VĂN CHIẾN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: CAM-2	TO: PPD - RP3	CREW: DƯƠNG - NPHÚ - TOAN	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM26/1966	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VŨ THANH BINH	PPD	94	1	6			87	KHI	Vietnamese
2	BUI THANH HAI	PPD	88	1	5			65	KHI	Vietnamese
3	ĐẶNG HỒNG QUÂN	PPD	01	1	5			76	KHI	Vietnamese
4	ĐẶNG VĂN BAN	PPD						85	KHI	Vietnamese
5	VŨ QUANG ĐẠT	PPD	800	1	4			55	KHI	Vietnamese
6	ĐỖ VĂN TŨ	PPD	92	1	5			66	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN HỮU LUẬN	PPD	05	1	6			73	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN MINH KHOAN	PPD	97	1	6			82	KHI	Vietnamese
9	CAO NAM QUY	PPD	99	1	4			71	KHI	Vietnamese
10	PHUNG VĂN CHÍNH	PPD	95	1	5			83	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN CHIÊN	PPD	96	1	3			56	KHI	Vietnamese
12	ĐÀO ANH TUẤN	PPD	04	1	4			58	KHI	Vietnamese
13	ĐỖ VĂN ĐIỆP	PPD	90	1	4			67	KHI	Vietnamese
14	LÊ HUY VINH	PPD	98	1	5			64	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	PPD	93	1	6			61	KHI	Vietnamese
16	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG	PPD	02	1	5			69	KHI	Vietnamese
17	ĐÀO VIỆT HÙNG	PPD	91	1	9			65	KHI	Vietnamese
18	VŨ VĂN CHIÊN	PPD	03	1	5			72	KHI	Vietnamese
19	VŨ NGỌC DŨNG	PPD	89	1	2			72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PPD	19	1.327	18	89	0	0	20		
2	RP3	0	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		19	1.327	18	89	0	0	22		
WEIGHT KG			1.327		89		0			

GRAND TOTAL: 1.416 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

BUI HOÀNG DƯƠNG

ĐÀO NGỌC PHÚ





FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
B.CARD: VANG-1	TO: CTK3 - P4	CREW: NAM - M.ĐỨC - HUY	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 7		VNHS FLIGHT: TM26/1969	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN MẠNH HÙNG	CTK3	34-35	2	10			68	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG NGOC SANG	CTK3	33	1	12			54	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN LAM	CTK3	30	1	12			94	ANTOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN NHẠC	CTK3	27	1	12			78	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
5	TRẦN ĐỨC QUY	CTK3	36	1	9	2	40	67	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
6	NGUYỄN HỮU CƯỜNG	CTK3	28	1	14	1	12	46	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
7	PHAN VĂN TUẤN	CTK3	32	1	5			76	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN ANH	CTK3	31	1	10			78	PSV	Vietnamese
9	DINH HONG THANG	CTK3						70	SANBAY	Vietnamese
10	PHAN TAN LOC	CTK3	39	1	10			70	SANBAY	Vietnamese
11	TRƯỜNG THANH GIAP	P4	94	1	5			74	KHI	Vietnamese
12	LUONG THANH VU	P4	96	1	7			81	KHI	Vietnamese
13	TRẦN DUY KHUÔNG	P4	4000	1	7			93	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN QUANG HA	P4						66	KHI	Vietnamese
15	ĐO ĐỨC LONG	P4	92	1	4			60	KHI	Vietnamese
16	TRỊNH XUÂN HUYỀN	P4	95	1	4			77	KHI	Vietnamese
17	ĐẶNG THÈ HUY	P4	99	1	9	1	20	103	KHI	Vietnamese
18	LÊ HUY CHUÔNG	P4	88	1	6			54	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH GIAP	P4	93	1	5			67	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN ANH	P4	91	1	4			67	KHI	Vietnamese
21	PHẠM HỮU THỌ	P4	90	1	8			65	KHI	Vietnamese
22	HOANG THAI DUONG	P4						75	KHI	Vietnamese
23	NGUYỄN VĂN THỊNH	P4	97-98	2	13			76	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTK3	10	701	10	94	3	52	5		PHAN TAN LOC THAY CA CTK3 NGOI GHE PHU
2	P4	13	958	12	72	1	20	17		+ 1NB về (Ng Mai Sơn)
TOTAL		23	1.659	22	166	4	72	22		
WEIGHT KG			1.659		166		72			

GRAND TOAL: 1.897 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

TRẦN HỒNG NAM
NGUYỄN MINH ĐỨC





FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 10:00
B.CARD: TRANG-2	TO: P8 - P10	CREW: HUNG - N.CUONG - NNAM	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 8		VNHS FLIGHT: TM26/1972	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	CHERNAVSKY D.S.	P8	17	1	8	1	8	115	KH-THAC	Russian
2	NGUYEN XUAN HOANG	P8	26	1	7			78	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM KHAC ĐOAN	P8	22	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN VĂN BÁC	P8	14	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
5	THAI TRỌNG BÌNH	P8	15	1	12			84	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH ĐỨC	P8	27-28	2	10			91	YTE	Vietnamese
7	NGUYỄN TRI HUNG	P8	18	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TRỌNG HOA	P8	24	1	8			79	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC CHUNG	P8	21	1	4			57	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN CÔNG CÔNG	P8	16	1	9			71	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM XUAN CUONG	P8	23	1	7			78	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐÌNH LỘC	P8	20	1	14			77	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	P8	19	1	8			77	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG ĐÌNH THUẬN	P8	13	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VINH DŨNG	P8	25	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN PHAN PHI	P10	61-62	2	8			62	YTE	Vietnamese
17	DU TRẦN HUNG	P10	58-60	3	14			81	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ ĐÌNH CUÔNG	P10	55-56	2	12			68	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TRỌNG HUY	P10	57	1	5			85	PSV	Vietnamese
20	PHAN VĂN HỒNG	P10	54	1	6	1	63	71	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN HOANG SƠN	P10				2	10	70	TRUONG V	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P8	15	1.151	16	114	1	8	11		
2	P10	6	437	9	45	3	73	11		
TOTAL		21	1.588	25	159	4	81	22		
WEIGHT KG			1.588		159		81			

GRAND TOAL: 1.828 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

LÊ QUÝ HUNG
PHAN NHƯ CUÔNG





FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 10:10
B.CARD: NAU-2	TO: PVD8 - SAVR	CREW: VTHU - ĐỨC - THÔNG	ETA: 12:00
VSP FLIGHT: 9		VNHS FLIGHT: TM26/1975	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	PVD8	08	1	4	2	33	77	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG QUỐC BAO	PVD8	05	1	3			64	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN ANH ĐÔNG	PVD8	11	1	5			87	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM ĐỨC BÌNH	PVD8	02	1	12			81	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM TUẤN ANH	PVD8	15-16	2	9			66	KH-THAC	Vietnamese
6	VƯƠNG VĂN THÔNG	PVD8	06	1	3			70	YTE	Vietnamese
7	LE ĐẠI THANH	PVD8	04	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	PVD8	09	1	2			73	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN NHÂN	PVD8	18	1	7			73	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN CAO MẠNH	PVD8	12	1	5			76	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	PVD8	14	1	3			75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HOANG TUNG	PVD8	13	1	11			85	KH-THAC	Vietnamese
13	LÂM TRỌNG ĐẠI	PVD8	17	1	9			63	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI THỌ DỪNG	PVD8	10	1	4			61	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN HỮU LONG	PVD8	07	1	11			70	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐO TRƯỜNG THỊNH	PVD8	03	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	16	1.157	17	98	2	33	14		
2	SAVR	0	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		16	1.157	17	98	2	33	22		
WEIGHT KG			1.157		98		33			

GRAND TOAL: 1.288 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

PHẠM VĂN THU
TRƯỜNG CÔNG ĐỨC





FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO: PVD8 - P8	CREW: DƯƠNG - HTRUNG - HIẾU	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 10		VNHS FLIGHT: TM26/1967	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN VĂN THAO	PVD8	25	1	14			68	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG QUỐC ĐẠT	PVD8	24	1	12			80	DVL	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐỨC HIỆP	PVD8	23	1	10			78	DVL	Vietnamese
4	ĐỖ THÀNH TIẾN	PVD8	22	1	14			81	DVL	Vietnamese
5	TRẦN VĂN THUẬT	PVD8	21	1	15			80	DVL	Vietnamese
6	TRẦN QUANG HUY	P8	69	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ QUANG THẮNG	P8	70-71	2	8			63	KH-THAC	Vietnamese
8	TRƯƠNG VĂN TUNG	P8	68	1	6			62	KH-THAC	Vietnamese
9	DƯƠNG TRI NAM	P8						83	KH-THAC	Vietnamese
10	HOÀNG PHÚC HÙNG	P8	79	1	12			95	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN HOÀNG GIANG	P8	78	1	8			75	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN KHIÊM HIẾU	P8	72	1	7			62	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN DUY PHÚ	P8	75	1	13			78	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN VĂN THANH	P8	64-65	2	17			74	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN NHƯ TIẾN ĐẠT	P8	66	1	6			60	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	P8	67	1	13			81	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN PHÚC HIẾN	P8	76-77	2	22			87	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐÌNH QUÂN	P8	73-74	2	19			59	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	5	387	5	65	0	0	9		
2	P8	13	943	16	136	0	0	13		
TOTAL		18	1.330	21	201	0	0	22		
WEIGHT KG			1.330		201		0			

GRAND TOAL: 1.531 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG
 NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:15
B.CARD: CAM-3	TO: TD2 - TTC3 - TTC1	CREW: LINH - TTRUNG - QTRƯỜNG	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 11		VNHS FLIGHT: TM26/1970	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	HOANG TIEN DUNG	TD2	47	1	6			85	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG THỌ TAM	TD2	43	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN HỒNG GIANG	TD2	48	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN HUY THAI	TD2	50	1	7			81	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN MẠNH THẮNG	TD2	51	1	7			56	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐÀO KIM SÂM	TD2	46	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐÀO NGUYỄN HÙNG	TD2	44	1	7			65	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ QUANG HUY	TD2	41	1	7			67	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN XUÂN KHÁNH	TD2						67	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN SỸ CAO	TD2	45	1	5			66	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN TRỌNG THANH	TD2						75	PSV	Vietnamese
12	LÊ MINH HOÀN	TD2	42	1	9			78	PSV	Vietnamese
13	ĐẶNG XUÂN ĐƯƠNG	TD2	49	1	5			70	PSV	Vietnamese
14	ĐOÀN PHÚC HOÀNG	TTC3	03-04	2	20	1	8	73	DVL	Vietnamese
15	LÊ XUÂN NAM	TTC3	99,1000	2	17			73	DVL	Vietnamese
16	PHẠM HẢI LONG	TTC3	01	1	17			77	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	13	914	11	70	0	0	15		
2	TTC3	3	223	5	54	1	8	5		
3	TTC1	0	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		16	1.137	16	124	1	8	22		
WEIGHT KG			1.137		124		8			

GRAND TOAL: 1.269 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGÔ VĂN LINH
 NGUYỄN THÀNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:20
B.CARD: TRANG-3	TO: BK15 - BK19 - PBDA	CREW: HUNG - N.ANH - THU	ETA: 14:10
VSP FLIGHT: 12		VNHS FLIGHT: TM26/1973	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	HOANG TUAN ANH	BK15	54-55	2	15			69	HALLIBUR	Vietnamese
2	DO QUANG DUNG	BK15	52-53	2	18			80	HALLIBUR	Vietnamese
3	OSCAR MONTEMAYOR	BK15	56	1	7			97	HALLIBUR	Philippines
4	LA QUY DANH	BK15	57	1	8			57	DVL	Vietnamese
5	ĐO CÔNG TIÊN	BK19	95	1	14			76	ANTOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN SOAI	BK19	96	1	9			79	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐO DANH NGỌC	BK19	97-98	2	18			79	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐO MINH TOÀN	BK19	02-03	2	14	2	12	116	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN THÀNH HUY	BK19	99,400	2	19			89	KH-THAC	Vietnamese
10	VU HUU CHINH	BK19	01	1	5	4	72	62	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG THAI ANH	BK19	93-94	2	8			75	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ VĂN THỊNH	BK19	91-92	2	10			64	PSV	Vietnamese
13	KARGAPOLTSEV DEMIAN	PBDA	31-32	2	13	1	22	68	AMHTP	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK15	4	303	6	48	0	0	5		
2	BK19	8	640	13	97	6	84	0		
3	PBDA	1	68	2	13	1	22	17		
TOTAL		13	1.011	21	158	7	106	22		
WEIGHT KG			1.011		158		106			

GRAND TOAL: 1.275 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

LÊ QUÝ HUNG
NGHIÊM VIỆT ANH

